

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 09 – 6 – 2026

V/v Tranh chấp Hôn nhân
và gia đình về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh Thảo

2. Ông Bùi Hoàng Long

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Nguyễn Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Đồng Tháp.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 98/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2026 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình về ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2026/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Cẩm L, sinh năm 1991; Căn cước công dân số 087191006113, cấp ngày 10/5/2021

Địa chỉ: Số H, ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Ông Trần Thanh P, sinh năm 1991; Căn cước công dân số 087081014622, cấp ngày 09/8/2021

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt; Bị đơn vắng mặt (không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm L trình bày:

- *Về hôn nhân:* Bà Lê Thị Cẩm L và ông Trần Thanh P sau thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm thì tiến đến hôn nhân tổ chức đám cưới vào năm 2021, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) vào ngày 26/02/2021.

Sau kết hôn bà L và ông P chung sống hạnh phúc đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn do ông P ăn chơi, tham gia cờ bạc, không quan tâm chăm sóc gia đình,

vợ con, cha mẹ già. Gia đình đã khuyên nhiều lần không thay đổi. Khoảng tháng 3/2022 nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với ông P nên bà L đã đưa con trai về nhà mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân đến nay. Thời gian đầu ông P có đến thăm con nhưng khoảng 03 năm nay thì ông P không còn tới lui. Nay bà L nhận thấy tình cảm không còn, vợ chồng đã sống ly thân trong thời gian dài nên yêu cầu ly hôn ông P.

- *Về con chung*: Có 01 con tên Trần Phước V, sinh ngày 26/9/2021 (hiện đang sống với bà L). Khi ly hôn bà L yêu cầu nuôi con, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết.

Về phía bị đơn ông Trần Thanh P: Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, hòa giải; Quyết định xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng không đến Tòa án và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Trên cơ sở Đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật phải giải quyết là “Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình về ly hôn”. Theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Đồng Tháp.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông Trần Thanh P các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, gồm: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cùng các văn bản tố tụng khác có liên quan. Tuy nhiên, ông P không đến Tòa án làm việc, không tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có quyền, nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Mặc dù đã được Tòa án tạo điều kiện thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng, nhưng ông P không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo quy định của pháp luật. Do đó, ông P phải chịu hậu quả pháp lý của việc không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Tại phiên tòa, bị đơn ông P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật. Việc giải quyết vụ án được thực hiện trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án.

[3] Về nội dung vụ án.

[3.1] Bà Lê Thị Cẩm L và ông Trần Thanh P tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 26/02/2021 nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo bà L trình bày, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông P thường xuyên tham gia cờ bạc, thiếu quan tâm chăm lo cho gia đình, vợ con và cha mẹ. Mặc dù đã được gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng ông P không thay đổi. Do bất đồng kéo dài, từ tháng 3 năm 2022 bà L đưa con về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng sống ly thân cho đến nay.

Hội đồng xét xử nhận thấy thời gian ly thân giữa các bên đã kéo dài nhiều năm. Trong khoảng thời gian này, các bên không còn chung sống, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau. Mặt khác, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông P đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến làm việc, không tham gia hòa giải, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L và cũng không thể hiện nguyện vọng đoàn tụ. Điều đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông P đã thực sự rạn nứt, mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng hàn gắn.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của bà L và ông P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà L là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[3.2] Về nuôi con chung: Bà L và ông P có 01 con chung tên Trần Phước V, sinh ngày 26/9/2021. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân vào tháng 3 năm 2022 đến nay, cháu V do bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; cháu hiện đang có cuộc sống ổn định cùng mẹ. Quá trình giải quyết vụ án, ông P không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến về việc nuôi con cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện điều kiện nuôi dưỡng hoặc nguyện vọng nhận nuôi con sau khi ly hôn.

Do đó, để bảo đảm sự ổn định về môi trường sống, sinh hoạt, học tập và phát triển của cháu, đồng thời phù hợp với thực tế chăm sóc, nuôi dưỡng con từ trước đến nay, căn cứ các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu Trần Phước V, sinh ngày 26/9/2021 cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[3.3] Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[3.4] Nguyên đơn trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn không có ý kiến khác. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Cẩm L. Bà Lê Thị Cẩm L và ông Trần Thanh P ly hôn.

2. Về nuôi con chung:

- Bà Lê Thị Cẩm L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Phước V, sinh ngày 26/9/2021 (hiện đang sống chung với bà L).

- Ông Trần Thanh P có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, bà Lê Thị Cẩm L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Cẩm L trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Bà Lê Thị Cẩm L phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà L đã nộp ngày 02/4/2026 theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004641 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp được khấu trừ toàn bộ vào án phí phải nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh ĐT;
- VKSND khu vực 8 – Đồng Tháp;
- Thi hành án tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Tân Phú Trung; số 13 ngày 26/12/2021)
- Các đương sự;
- Lưu h/s.

Nguyễn Thị Thủy